

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ-CTCP  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 43 /CT-BCTN

Hà Nội, ngày 19 tháng 04 năm 2019

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2**  
**NĂM 2018**

**I. Thông tin chung:**

**1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Sông Đà 2**
- Tên tiếng Anh: Song Da 2 Joint Stock Company
- Tên viết tắt: Song Da 2 JSC
- Số giấy chứng nhận ĐKKD: 0500236821
- Vốn điều lệ: 144.235.360.000 đồng
- Địa chỉ: Km10, Đ.Nguyễn Trãi, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
- Điện thoại: 024 33 510 542 Fax: 024 33 828 255
- Website: songda2.com.vn
- Mã cổ phiếu: SD2

**2. Quá trình hình thành và phát triển:**

**2.1. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Công ty cổ phần Sông Đà 2 tiền thân là Công ty xây dựng dân dụng thuộc Tổng công ty xây dựng thủy điện Sông Đà (nay là Tổng công ty Sông Đà), được thành lập ngày 01/02/1980 có nhiệm vụ xây dựng nhà ở cho cán bộ chuyên gia Liên Xô, CBCNV Việt Nam trên công trường Thủy điện Hòa Bình và hoàn thiện toàn bộ phần Nhà máy thủy điện Hòa Bình. Sau đó Công ty được đổi tên là Công ty xây dựng Sông Đà 2 rồi Công ty Sông Đà 2. Theo Quyết định số 2334/QĐ-BXD ngày 19/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- Công ty cổ phần Sông Đà 2 chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 01/3/2006 theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0500236821 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Tây cấp; thay đổi lần thứ 11 ngày 9/5/2017.
- Ngày 30/11/2007, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là SD2 theo Quyết định số 360/QĐ-TTGDCKHN của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội (nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội).
- Ngày 06/10/2008, Công ty phát hành cổ phiếu cho các đối tác chiến lược và các nhà đầu tư nhỏ lẻ để tăng vốn điều lệ từ 35 tỷ đồng lên 48,54 tỷ đồng.

- Ngày 22/10/2008, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 09/3/2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 48,54 tỷ đồng lên 70 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 26/3/2010, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 19/11/2010, Công ty phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 120 tỷ đồng cho các cổ đông hiện hữu và CBCNV Công ty.
- Ngày 30/12/2010, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Ngày 15/12/2014, Công ty phát hành cổ phiếu để hoán đổi cổ phần, thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Công trình Giao thông Sông Đà vào Công ty cổ phần Sông Đà 2, tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 144,2 tỷ đồng.
- Ngày 15/01/2015, Công ty niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

## **2.2. Các sự kiện khác:**

- Trong quá trình hoạt động, Công ty cổ phần Sông Đà 2 đã tham gia xây dựng nhiều công trình lớn như: Nhà máy thủy điện Hòa bình, Thủy điện Yaly, Thủy điện Sê San 3, Thủy điện Tuyên Quang, Thủy điện Sơn La, Thủy điện Bản Vẽ, Đường dây 500KV, Đường Láng - Hòa Lạc, Quốc lộ 1A đoạn Hà Nội - Bắc Ninh, Nhà khách dân tộc, Học viện Bưu chính Viễn thông, Đại học quốc gia, Dự án Khu đô thị Orange Garden, Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Phú Yên, Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, công trình đường Tiến Thịnh Nam Định, KĐT Nam An Khánh, Dự án KĐT mới Dương Nội - Phần HTKT, Nhà liền kề 90 Nguyễn Tuân, công trình cải tạo cấp tuyến Sapa - Tả Phìn - Bản Khoang, DA khu liên hợp thép Hòa Phát - Dung Quất, CT thủy điện Nậm Pạc - Lai Châu...
- Trong lĩnh vực đầu tư, Công ty cổ phần Sông Đà 2 đã được các cơ quan Nhà nước tin tưởng giao cho làm Chủ đầu tư một số dự án có tiềm năng đã được Công ty triển khai thực hiện hoàn thành và đang thực hiện đã và sẽ mang lại hiệu quả cao như: Khu nhà ở Vạn Phúc - Hà Đông; Khu đô thị Hồ Xương Rồng - TP Thái Nguyên; Khu nhà ở liền kề Phường Hữu Nghị - TP Hòa Bình....
- Hiện nay Công ty có trên 113 đầu xe máy thiết bị với nguyên giá trên 196 tỷ đồng, các máy móc thiết bị của Công ty đang được sử dụng hiệu quả tại các công trình như: Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng, Dự án khu liên hợp Thép Hòa Phát - Dung Quất, CT Thủy điện Nậm Pạc - Lai Châu...
- Công ty hiện có lực lượng cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và công nhân lành nghề trên 884 người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm và luôn đoàn kết, gắn bó trong quá trình triển khai nhiệm vụ.
- Với những thành tích đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã được Đảng, Nhà nước và các Bộ, Ngành tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý như:
  - + 01 Huân chương độc lập hạng 2.
  - + 01 Huân chương độc lập hạng 3.
  - + 01 Huân chương lao động hạng nhất.

- + 02 Huân chương lao động hạng 2.
- + 04 Huân chương lao động hạng 3.
- + 30 Huy chương vàng công trình xây dựng đạt chất lượng cao.
- + Nhiều Bằng khen của Chính phủ.
- + Cờ đơn vị xuất sắc Ngành Xây dựng các năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2013, 2015 và nhiều bằng khen của Bộ Xây dựng.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty:**

#### **3.1. Ngành Nghề kinh doanh:**

- Xây dựng các công trình thủy điện;
- Xây dựng Công trình công nghiệp, dân dụng và hạ tầng đô thị; Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng đường dây tải điện, trạm biến thế điện;
- Xây dựng các Công trình giao thông: cầu, đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng các công trình thủy lợi: Đê, đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;
- Nạo vét và bồi đắp mặt bằng nền Công trình, thi công các loại móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Thi công cọc khoan nhồi, đóng ép cọc;
- Lắp đặt thiết bị cơ điện, nước, thiết bị công nghệ, đường dây và trạm biến áp điện, kết cấu và các kết cấu phi tiêu chuẩn;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng cơ giới và Công nghiệp xây dựng;
- Thiết kế, trang trí nội thất;
- Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, bê tông thương phẩm, bê tông nhựa nóng;
- Sửa chữa cơ khí, ô tô, xe máy;
- Khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh nhà, Đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp;
- Vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, theo tuyến cố định; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Đầu tư xây dựng, kinh doanh công trình thủy điện, nhiệt điện.

#### **3.2. Địa bàn kinh doanh:** Trong những năm gần đây Công ty đang tập trung thi công tại các dự án như:

- Dự án khu liên hợp Thép Hòa Phát – Dung Quất; Dự án Điểm thông quan nội địa Thành phố Hà Nội; Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Phú Lương - Hà Đông; Dự án Khu đô thị mới Orange Garden; Dự án Khu đô thị mới Nam An Khánh – Hà Nội; Cải tạo nâng cấp Quốc Lộ 18-Đoạn Ưông Bí - Hạ Long - Quảng Ninh; Dự án Khu tưởng niệm danh nhân Chu Văn An – Hà Nội;

- Công trình Thủy điện Bản Vẽ tại Nghệ An; Đường vào Nhà máy Thủy điện Trung Sơn; Khu tái định cư Thủy điện Trung Sơn tại Thanh Hóa; Công trình mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn từ Km1265+000 ÷ 1353+300, tỉnh Phú Yên; Công trình Thủy điện Hà Tây - Gia Lai; Công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, DA khu liên hợp Thép Hòa Phát – Dung Quất...
- Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng tại Thái Nguyên; Thủy điện Nậm Pạc - Lai Châu, Thủy điện Tuyên Quang; Thủy điện Huội Quang – Sơn La;...
- Tại Nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào: Sản xuất kinh doanh đá và cát xây dựng tại Công trình Thủy điện Xekaman1,...

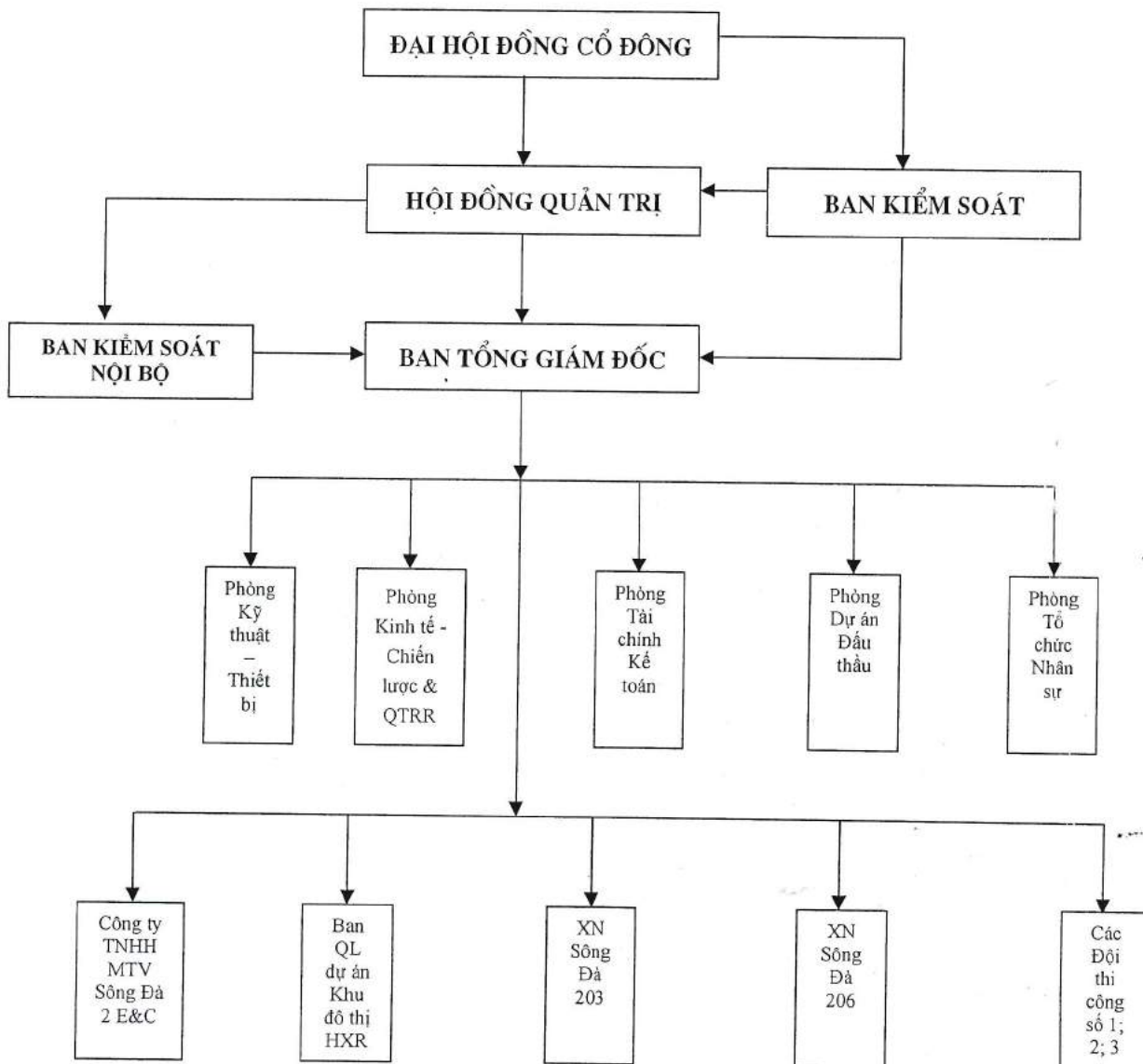
#### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản trị:**

##### **4.1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy của Công ty cổ phần Sông Đà 2: (Thời điểm ngày 31/12/2018).**

- Hội đồng quản trị Công ty: 05 thành viên.
- Ban kiểm soát Công ty: 03 thành viên.
- Ban Tổng giám đốc Công ty: Tổng giám đốc và 02 Phó Tổng giám đốc.
- 06 Phòng ban Công ty: Phòng Tổ chức Nhân sự; Phòng Tài chính Kế toán; Phòng Kinh tế chiến lược & Quản trị rủi ro; Phòng Dự án - Đấu thầu; Phòng Kỹ thuật – Thiết bị, Ban kiểm soát nội bộ.
- 02 Chi nhánh, Xí nghiệp trực thuộc: Xí nghiệp Sông Đà 2.03; Xí nghiệp Sông Đà 206.
- 01 Ban quản lý: Ban quản lý Dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng - Thái Nguyên.

4.2. Sơ đồ tổ chức của Công ty (thời điểm 31/12/2018):

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 2



4.3. Các công ty con, công ty liên kết:

**Công ty con:** Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C

- Địa chỉ: Km 10 đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
- Số điện thoại: 024 85887906 Fax: 024 33560838
- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 02/4/2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/7/2010 theo mã số doanh nghiệp số 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 23/01/2015 chuyển đổi từ Công ty cổ phần Công trình giao thông Sông Đà, thay đổi lần thứ 9 ngày 02/03/2017, thay đổi lần thứ 10 ngày 27 tháng 09 năm 2018 chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV công trình giao thông Sông Đà thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C.
- Ngành nghề hoạt động: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ; Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân

dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất tấm lợp, sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Nạo vét và bồi đắp mặt đường nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất bê tông nhựa nóng; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Thiết kế, trang trí nội thất; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng).

## 5. Định hướng phát triển:

### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty và chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật giao thông, xây dựng dân dụng - công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà - CTCP.

- Hoạt động hiệu quả về tài chính: Luôn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh có lợi nhuận thực dương và tăng trưởng dần đều, lành mạnh về tài chính.

- Thu hút và phát triển nhân lực chất lượng cao: Để đạt được những mục tiêu đề ra phụ thuộc vào việc thu hút được đội ngũ nhân sự mạnh và có năng lực tại tất cả các cấp bậc trong Công ty, từ cấp quản trị điều hành cao nhất có vai trò lãnh đạo các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, cho đến đội ngũ lãnh đạo nghiệp vụ và nhân sự phụ trách việc quản lý các nghiệp vụ và chức năng then chốt, cho tới các lãnh đạo cấp trung và nhân viên có trách nhiệm triển khai kế hoạch chiến lược và vận hành trong điều kiện cạnh tranh khắc nghiệt; Cũng như một đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề, bậc cao thuộc lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

- Xây dựng mô hình quản trị theo hướng hiện đại: Thông qua mô hình quản trị hiện đại đang được áp dụng tại các Công ty lớn trong nước và quốc tế, Công ty sẽ tìm hiểu, nghiên cứu, học hỏi và từng bước áp dụng tại Công ty bao gồm: Cơ cấu tổ chức; Mô hình hoạt động; Các quy trình quản lý.

### 5.2. Một số chỉ tiêu chính định hướng kế hoạch 5 năm 2016 – 2020 (hợp nhất):

- Tổng giá trị SXKD: 4.518 tỷ đồng, tăng 139% so với kỳ trước (2011-2015).
- Tổng doanh thu: 4.180 tỷ đồng, tăng 140% so với kỳ trước.
- Nộp Ngân sách nhà nước: 184 tỷ đồng, tăng 112% so với kỳ trước.
- Lợi nhuận trước thuế: 137 tỷ đồng, tăng 114% so với kỳ trước.
- Thu nhập bình quân: 7,72 triệu đồng/người/tháng, tăng 146% so với kỳ trước.
- Tổng số CBCNV: 1.320 người, tăng 106% so với kỳ trước.
- Giá trị đầu tư: 706 tỷ đồng, tăng 106% so với kỳ trước.

**5.3. Cơ cấu sản phẩm giai đoạn 2016-2020:**

- Giá trị kinh doanh xây lắp chiếm khoảng 70 - 75% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh sản phẩm công nghiệp và phục vụ xây lắp chiếm khoảng 10 - 15% trong tổng giá trị SXKD.
- Giá trị kinh doanh nhà và các dịch vụ khác chiếm khoảng 10 - 15% trong tổng giá trị sản xuất kinh doanh.

**II. Tình hình hoạt động trong năm:**

**1. Thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018:**

Thực hiện Nghị quyết số 67/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, hoạt động SXKD của Công ty CP Sông Đà 2 diễn ra trong bối cảnh cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt, công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm ngày càng gặp nhiều khó khăn hơn những năm trước.

Đứng trước những khó khăn đó, Công ty đã nỗ lực, cố gắng khắc phục bằng nhiều giải pháp phù hợp, kịp thời như: tăng cường công tác chỉ đạo lãnh đạo tại các công trình trọng điểm, huy động thêm các nguồn vốn ưu đãi với lãi suất thấp, tăng cường tiếp thị tìm kiếm việc làm theo ngành nghề chính, tiết kiệm chi phí quản lý, tăng cường công tác kiểm tra giám sát nội bộ...

**Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty thực hiện trong năm 2018: (Số liệu hợp nhất)**

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (10 <sup>6</sup> đ)	Thực hiện năm 2018 (10 <sup>6</sup> đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2017
1	Giá trị SXKD	770.877	485.101	62,93%	60,96%
2	Doanh thu	754.131	457.533	60,67%	65,11%
3	Thực hiện đầu tư	321.475	75.962	23,63%	129,85%
4	Lợi nhuận trước thuế	15.592	7.824	50,18%	102%
5	Nộp Ngân sách nhà nước	90.727	21.920	24,16%	52,19%
6	Thu nhập bq/CBCNV /tháng (đồng)	6.697.000	7.125.000	106,39%	108,45%

**2. Tổ chức và nhân sự:**

**2.1. Danh sách ban điều hành Công ty (đến thời điểm 31/12/2018):**

**a. Danh sách Ban điều hành Công ty bao gồm:**

- Ông: Hoàng Văn Sơn : Tổng giám đốc Công ty.
- Ông: Trần Văn Trường : Phó Tổng giám đốc.
- Ông: Lê Văn Toàn : Phó Tổng giám đốc.
- Bà: Phạm Thị Dinh : Kế toán trưởng.

**b. Tóm tắt lý lịch:**

**b.1. Ông Hoàng Văn Sơn – Tổng giám đốc Công ty.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 19/5/1973
- Số CMND: 038073002953, cấp ngày 21/02/2017, tại Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Triệu Sơn, Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 26, Cụm 5 Hạ Đình, Thanh Xuân, Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc: 0904743599
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng.
- **Quá trình công tác:**
  - + 4/1999 – 8/2002: Cán bộ kỹ thuật Công ty Sông Đà 15, Công ty Sông Đà 9.
  - + 8/2002 – 7/2003: Phó trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty Sông Đà 9.
  - + 7/2003 – 12/2006: Trưởng ban Kinh tế – Kỹ thuật, Xí nghiệp Sông Đà 905 – Công ty CP Sông Đà 9.
  - + 12/2006 – 11/2007: Phó phòng Quản lý kỹ thuật – Thi công, Công ty CP Sông Đà 2.
  - + 11/2007 – 8/2010: Trưởng phòng Đầu tư, Công ty CP Sông Đà 2.
  - + 8/2010 – 3/2013: Giám đốc Ban quản lý dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng, Công ty Cổ phần Sông Đà 2
  - + 3/2013 – 4/2016: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2; Giám đốc Ban QLDA khu đô thị hồ Xương Rồng.
  - + 4/2016 đến 04/2017: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 2; Giám đốc Ban QLDA khu đô thị hồ Xương Rồng.
  - + 04/2017 đến nay: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2:** 1.825.206 cổ phần, chiếm 12,65% số cổ phần của Công ty, trong đó: Đại diện vốn của Tổng công ty Sông Đà: 1.800.000 cổ phần; Sở hữu cá nhân: 25.206 cổ phần.

**b.2. Ông Trần Văn Trường – Phó Tổng giám đốc Công ty.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 27/07/1975
- Số CMND: 017000787; Ngày cấp 14/07/09; Nơi cấp: CA Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nghĩa Lạc – Nghĩa Hưng – Nam Định.



- Địa chỉ thường trú: 6-NV2 Khu nhà ở cán bộ Viện 103 – Thôn Yên Xá – Tân Triều – Thanh Trì – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 02433 510542 (133)
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán.
- **Quá trình công tác:**
- + 1996 – 1999: Chuyên viên Phòng Kế hoạch thẩm định Cục đầu tư và phát triển tỉnh Lai Châu.
- + 2000 – 2001: Nhân viên phòng Tín dụng Chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư và phát triển Lai Châu.
- + 2001 – 2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2002 – 2003: Trưởng Ban tài chính kế toán Xí nghiệp Sông Đà 2.02 – Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2003 – 2004: Phó phòng Tài chính kế toán Công ty Sông Đà 2 thuộc Tổng công ty Sông Đà.
- + 2004 – 02/2006: Trưởng phòng Tài chính kế toán Ban điều hành dự án Thủy điện Sê San 4 - Tổng công ty Sông Đà.
- + 03/2006 - 4/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 2.
- + Tháng 4/2011 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2:** 14.933 cổ phần, chiếm 0,1% số cổ phần của Công ty.

**b.3. Ông Lê Văn Toàn – Phó Tổng giám đốc Công ty.**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh : 30/04/1975
- Số CMND: 038075003180; Ngày cấp 21/02/2017; Nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Thọ Phú – Huyện Triệu Sơn – Tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 – Phú Mỹ - P. Mỹ Đình 2 – Q. Nam Từ Liêm – Hà Nội.
- Số điện thoại liên lạc cơ quan: 02433 510542 (153)
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- **Quá trình công tác:**
- + 1999-2000: Nhân viên xưởng thiết kế - Công ty TNHH tư vấn xây dựng Sông Đà – UCRIN

- + 2000-2001: Trưởng ban điều hành công trình đường 207 – Cao Bằng – Hạ Long – Công ty Sông Đà 15
- + 2002-2003: Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 9.06 – Công ty cổ phần Sông Đà 9
- + 2006-2007: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 9.06 kiêm Giám đốc xí nghiệp Sông Đà 961
- + 2008-2014: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 9.06 kiêm Giám đốc Ban quản lý dự án thủy điện Nậm Xây Nội II.
- + 2015-T06/2018: Phó tổng giám đốc Công ty CP Sông Đà 9.06
- + T06/2018-21/11/2018: Phó Phòng Dự án Đấu thầu – Công ty cổ phần Sông Đà 2
- + Từ 22/11/2018 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2:** 0 cổ phần, chiếm 0 % số cổ phần của Công ty.

**b.4. Bà Phạm Thị Dinh – Kế toán trưởng Công ty.**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 04/12/1980
- Số CMND số: 031180006354; Ngày cấp: 28/08/2018; Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trung Lập – Vĩnh Bảo – Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú: P22+1-05, CT1 KĐT Mỹ Đình Sông Đà, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc : 02433 510542 (131)
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- **Quá trình công tác:**
- + 11/2002 - 4/2004: Nhân viên kế toán tại công ty xây dựng Sông Đà 8.
- + 4/2004 – 4/2007: Nhân viên kế toán tại CTCP Sông Đà 2.
- + 4/2007 – 4/2016: Phó phòng tài chính kế toán Công ty CP Sông Đà 2.
- + 5/2016 – 5/2017: Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Sông Đà 2.
- + 5/2017 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Sông Đà 2.
- **Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2:** 8.102 cổ phần, chiếm 0,056% số cổ phần của Công ty.

**2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành Công ty trong năm 2018:**

- Ngày 22/11/2018 Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 2 có QĐ số 159/QĐ-HĐQT V/v: Bổ nhiệm Ông Lê Văn Toàn giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 2.

### 2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

Với mục tiêu xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định, là một doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng – công nghiệp và sản xuất vật liệu xây dựng; Có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty; thực hiện việc bảo toàn, phát triển, tích lũy và tối đa hóa lợi ích đối với phần vốn góp của các cổ đông; không ngừng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, góp phần vào sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà - CTCP. Để làm được điều đó, Công ty luôn xác định việc thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và đào tạo phát triển nguồn nhân lực là một trong chiến lược quan trọng, nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên hàng đầu để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cụ thể:

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương đã được đăng ký với các cơ quan Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.
- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBCNV; Thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định.
- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.
- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.
- Công ty chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật; cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cho công nhân kỹ thuật; đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật mới vào nghề.
- Bên cạnh những mặt tích cực, hiện nay Công ty cũng gặp phải một số khó khăn trong công tác đào tạo, tuyển dụng: với tính chất đặc thù công việc của Công ty không tập trung, địa bàn hoạt động rộng khắp cả trong và ngoài nước, đặc biệt là xây dựng các công trình thủy điện, giao thông tập trung tại vùng sâu, vùng xa nên việc tuyển dụng các kỹ sư, công nhân kỹ thuật có tay nghề cao gặp nhiều khó khăn.
- Tổng số lao động của Công ty cổ phần Sông Đà 2 đến 31/12/2018 (bao gồm cả công ty con):

#### BẢNG TỔNG HỢP CNCNV TOÀN CÔNG TY

ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

Số TT	Nội dung	2018 (Người)	Ghi chú
I	<b>Tổng số:</b>	<b>884</b>	
II	<b>Phân loại theo công việc</b>		
1	<b>Lao động gián tiếp (chuyên môn nghiệp vụ)</b>	<b>157</b>	
2	<b>Lao động trực tiếp, trong đó:</b>	<b>727</b>	

	+ Công nhân kỹ thuật	243
	+ Lao động thời vụ	456
	+ Lao động phổ thông	28
<b>III</b>	<b>Phân loại theo trình độ học vấn</b>	<b>884</b>
1	Trên Đại học	3
2	Đại học	134
3	Cao đẳng, Trung cấp	20
4	Thợ bậc cao (từ bậc 5 trở lên)	68
5	Thợ bậc thấp, công nhân và LĐ phổ thông	659

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

**3.1. Tình hình đầu tư các dự án:**

Trong năm 2018 Công ty thường xuyên thực hiện rà soát, đánh giá lại các dự án đầu tư của Công ty để tập trung vốn cho các dự án chuẩn bị hoàn thành và các dự án đang triển khai thực sự có hiệu quả kinh tế cao, đối với các dự án chưa đủ các điều kiện cần thiết (thiếu thủ tục pháp lý, chưa xác định được nguồn vốn) thì dừng hoặc giãn tiến độ và dừng và chuyển nhượng các dự án đầu tư kém hiệu quả, ngoài lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty, cụ thể công tác đầu tư các dự án trong năm 2018 của toàn công ty như sau:

**Giá trị thực hiện đầu tư năm 2018:** Thực hiện 75.9/321.4 tỷ đồng, đạt 24% KH năm. Trong đó giá trị đầu tư của Công ty mẹ là 71.2/316.5 tỷ đồng đạt 23% KH năm; Công ty con là 4.75/5 tỷ đồng đạt 95% KH năm.

Trong đó:

+ Giá trị đầu tư bất động sản: 71.2/306.5 tỷ đồng, đạt 23 % KH năm.

+ Giá trị đầu tư thiết bị: 4.75/15 tỷ đồng, đạt 32 % KH năm.

**3.2. Tình hình đầu tư tài chính đến 31/12/2018:**

Số TT	Tên Công ty	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2018
<b>I</b>	<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>47.243.530.000</b>
1	Công ty TNHH MTV CTGT Sông Đà	47.243.530.000
<b>II</b>	<b>Đầu tư, góp vốn vào các công ty khác</b>	<b>1.245.000.000</b>
1	Công ty CP Thủy điện ĐăkĐrinh	660.000.000
2	Công ty Cổ phần G.S.M	585.000.000
	<b>Tổng cộng</b>	<b>48.488.530.000</b>

**3.3. Chi tiết công ty con, công ty liên kết:**

**Công ty con: Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C:**

- Địa chỉ: Km 10 đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

- Số điện thoại: 024 85887906 Fax: 024 33560838

- Giấy chứng nhận ĐKKD: số 0303000154 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp lần đầu ngày 02/4/2004, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 21/7/2010 theo mã số doanh nghiệp số 0500447798 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 7 ngày 23/01/2015 chuyển đổi từ Công ty cổ phần Công trình giao thông Sông Đà, thay đổi lần thứ 9 ngày 02/03/2017, thay đổi lần thứ 10 ngày 27/09/2018 chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Công trình giao thông Sông Đà thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C.

- Ngành nghề hoạt động: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ; Khai thác, chế biến các loại đá phục vụ xây dựng và công trình giao thông; Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà, đầu tư các dự án về nhà ở, văn phòng cho thuê, khu công nghiệp và vận tải; Đầu tư các công trình thủy điện vừa và nhỏ; Sản xuất tấm lợp, sản xuất, lắp đặt kết cấu xây dựng và kết cấu cơ khí công trình; Sản xuất gạch ngói, đá ốp lát; Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Nạo vét và bồi đắp mặt đường nền móng công trình; Thi công nền móng công trình bằng phương pháp khoan nổ mìn; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Sản xuất bê tông nhựa nóng; Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Thiết kế, trang trí nội thất; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

- Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (Bốn mươi lăm tỷ đồng).

- Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nắm giữ 100% vốn điều lệ.

#### 4. Tình hình tài chính:

##### 4.1. Tình hình tài chính riêng công ty mẹ:

*ĐVT: nghìn đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng giảm (%)
- Tổng giá trị tài sản	573.965.504	484.199.193	84,36%
- Doanh thu thuần	542.431.136	272.999.010	50,33%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(4.108.155)	5.653.304	
- Lợi nhuận khác	12.531.347	2.398.736	19,14%
- Lợi nhuận trước thuế	8.423.192	8.052.040	95,59%
- Lợi nhuận sau thuế	5.645.338	2.618.548	46,38%
- Tỷ lệ cổ tức			

**4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu – riêng công ty mẹ:**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,03	1,62	
+ Hệ số thanh toán nhanh TSLĐ - Hàng tồn kho/ Nợ ngắn hạn	Lần	0,8	1,002	
2. <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>				
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	66,6	60,06	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	199,4	150,38	
3. <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>				
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán	Vòng	6,65	1,48	
Hàng tồn kho bình quân				
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản		0,95	0,56	
4. <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>				
+ Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	1,04	0,95	
+ Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	%	2,94	1,35	
+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	0,98	0,54	
+ Hệ số LN từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%		2,07	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**5.1. Cổ phần:**

- + Tổng số cổ phần của công ty : 14.423.536 cổ phần.
- + Số cổ phần đang lưu hành : 14.423.536 cổ phần.
- + Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do : 14.423.536 cổ phần.
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

**5.2. Cơ cấu cổ đông:** Tại thời điểm chốt danh sách ngày 04/04/2018: Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Sông Đà, số lượng cổ phần nắm giữ: 5.880.000 cổ phần, chiếm 40,7% vốn điều lệ.

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ
1	<b>Tổ chức</b>	<b>6.018.995</b>	<b>41,73%</b>
	- Trong nước	6.010.962	41,67%
	- Nước ngoài	8.033	0,056%
2	<b>Cá nhân</b>	<b>8.404.541</b>	<b>58,27%</b>
	- Trong nước	7.583.167	52,57%
	- Nước ngoài	821.374	5,69%
3	<b>Tổng cộng</b>	<b>14.423.536</b>	<b>100%</b>

5.3. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không thay đổi.

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Công ty không có cổ phiếu quỹ.

5.5. *Các chứng khoán khác:* Công ty không có phát sinh chứng khoán khác.

6. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

6.1. *Quản lý nguồn nguyên liệu:* Công ty hoạt động trong lĩnh vực chính là xây lắp các công trình giao thông, dân dụng, thủy điện thủy lợi; Do vậy nguyên vật liệu để sử dụng cấu thành sản phẩm của Công ty chính là nguyên vật liệu phục vụ xây dựng cơ bản (sắt, thép, xi măng, cát, đá,...). Công ty đã ban hành các quy định về mua sắm, quản lý sử dụng vật tư nhằm đảm bảo việc sử dụng vật tư có hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

6.2. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.3. *Chính sách liên quan đến người lao động:*

- Công ty thực hiện chế độ tiền lương của CBCNV theo thang bảng lương đã được đăng ký với các cơ quan Nhà nước. Ngoài ra đối với CBCNV gián tiếp được hưởng mức lương năng suất, công nhân lao động trực tiếp thì được hưởng lương theo sản phẩm trên cơ sở đơn giá, định mức đầu thu.

- Công ty tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho 100% CBCNV; Thực hiện khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

- Thực hiện chế độ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức đầy đủ cho CBCNV.

- Công ty thực hiện đào tạo, quy hoạch cán bộ và hàng năm có rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn cán bộ quản lý điều hành ở các cấp để thực hiện đào tạo và bồi dưỡng lực lượng cán bộ kế cận để kịp thời bổ sung nguồn nhân lực cho công tác sắp xếp cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý các cấp từ cơ quan công ty đến công ty con, các đơn vị trực thuộc, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

- Công ty chú trọng đến công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật; cụ thể hàng năm Công ty tổ chức các lớp thi nâng bậc cho công nhân kỹ thuật; đào tạo, kèm cặp công nhân kỹ thuật mới vào nghề.

**6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:**

- Công ty chấp hành và tuân thủ tốt các quy định của địa phương.

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

**1.1. Thuận lợi và khó khăn:**

Năm 2018, hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty cổ phần Sông Đà 2 diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế trong nước đã có những bước tăng trưởng, ngành xây dựng đang trong quá trình phục hồi. Tuy nhiên, việc tìm kiếm việc làm của đơn vị vẫn gặp rất khó khăn do mức độ cạnh tranh cao giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Khắc phục những khó khăn, năm 2018 Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV toàn Công ty đã nỗ lực, cố gắng tìm các giải pháp như: Tăng cường công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm; Quản lý chi phí; Đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án; Tập trung công tác thu vốn; Tăng năng suất lao động, giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí tài chính; Đào tạo, tuyển dụng bổ sung cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề; Tăng cường công tác kiểm tra giám sát nội bộ... Tuy chưa hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu nhưng Công ty vẫn duy trì được sản xuất kinh doanh ổn định, đảm bảo việc làm cho CBCNV và thực hiện đầy đủ các chế độ, nghĩa vụ với Nhà nước và người lao động.

**1.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Kinh tế - Tài chính năm 2018:**

**a. Số liệu Báo cáo hợp nhất**

Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 <sup>6</sup> đ)	Thực hiện (10 <sup>6</sup> đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2017
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	770.877	485.101	62,93%	60,97%
2	Doanh thu	754.131	457.533	60,67%	65,11%
3	Thực hiện đầu tư	321.475	75.962	23,63%	129,85%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	90.727	21.920	24,16%	52,19%
5	Lợi nhuận trước thuế	15.592	7.824	50,18%	102,06%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	2,06%	1,71%	83,01%	156,88%
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	10,81%	5,42%	50,14%	101,88%
8	Tổng số CBCNV	1.550	884	57,03%	68,63%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	6,697.000	7,125.000	106,39	108,45%
10	Tỷ lệ chia cổ tức/năm	0%	0%		

**b. Số liệu Báo cáo riêng Công ty mẹ**



Số TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (10 <sup>6</sup> đ)	Thực hiện (10 <sup>6</sup> đ)	Tỷ lệ hoàn thành	So với năm 2017
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	490.877	261.524	53,28%	50,68%
2	Doanh thu	489.929	272.999	55,72%	50,33%
3	Thực hiện đầu tư	316.475	71.206	22,5%	123,19%
4	Nộp Ngân sách Nhà nước	64.857	6.283	9,69%	30,35%
5	Lợi nhuận trước thuế	11.797	8.052	68,25%	95,63%
6	Tỷ suất LN trước thuế/Doanh thu	2,41%	2,95%	122,41%	236%
7	Tỷ suất LN trước thuế/Vốn điều lệ	8,17%	5,58%	68,3%	128,28%
8	Tổng số CBCNV	950	439	46,21%	51,95%
9	Thu nhập BQ/CBCNV/tháng (đồng)	6.630.000	6.940.000	104,68%	%

**Vốn cho SXKD và đầu tư đến 31/12/2018 của Công ty mẹ:**

Trong đó:

- + Vốn chủ sở hữu: 193,4 tỷ đồng.
- ✓ Vốn điều lệ: 144,2 tỷ đồng.
- ✓ Thặng dư vốn: 15,7 tỷ đồng.
- ✓ Các quỹ doanh nghiệp: 23,9 tỷ đồng.
- ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 9,47 tỷ đồng.
- + Vốn vay các TCTD cho SXKD và đầu tư: 191,37 tỷ đồng.
- ✓ Vốn ngắn hạn: 148,14 tỷ đồng.
- ✓ Vốn trung hạn, dài hạn: 43,23 tỷ đồng.

**2. Tình hình Tài chính: (Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính của Công ty)**

**2.1. Báo cáo hợp nhất:**

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,47
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,86
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	68,24
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	31,76
<b>3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản</b>		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	90,39
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	9,61

<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	0,44
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,31
<b>5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần (MG:10.000 đ/cp)</b>		
- Lãi cơ bản/cổ phiếu (Số CP thực tế lưu hành)	Đồng	141

## 2.2. Báo cáo Công ty mẹ

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
- Khả năng thanh toán tổng quát	Lần	1,66
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,002
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	60,06
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	39,94
<b>3. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản</b>		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	82,63
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	17,37
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	0,96
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,54

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý tiến độ thi công: Cơ bản đáp ứng yêu cầu, phục vụ kịp thời công tác quản lý điều hành của Công ty tại các công trình trọng điểm, cơ bản đảm bảo hoàn thành mục tiêu tiến độ theo Hợp đồng đã ký kết với các Chủ đầu tư và Nhà thầu chính.
- Công tác quản lý khối lượng, chất lượng:
  - + Thường xuyên kiểm tra các đơn vị thi công đảm bảo chất lượng công trình;
  - + Lập và phê duyệt biện pháp thi công chi tiết trước khi triển khai thi công các công trình;
  - + Kiểm tra, lựa chọn các loại vật liệu chính đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng cho các công trình.
- Công tác an toàn vệ sinh lao động, quản lý môi trường:
  - + Thường xuyên kiểm tra các đơn vị thực hiện thi công đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh môi trường;
  - + Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015; Hệ thống

quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và tiêu chuẩn ISO 45001:2018;

- + Trong năm 2018, tại các công trình thi công không để xảy ra mất an toàn lao động.
- Công ty đã chủ động cân đối, điều chuyển xe máy thiết bị kịp thời đảm bảo phục vụ thi công các công trình trọng điểm như: Công trình đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi; Dự án khu liên hợp Thép Hòa Phát – Dung Quất, Công trình Thủy Điện Nậm Pạc...;
- Công ty đã nhượng bán, thanh lý các tài sản cố định hết khấu hao và không có nhu cầu sử dụng (25 TSCĐ);

Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên. Nâng cao chất lượng quản lý và hiệu quả sử dụng xe máy thiết bị.

- Công ty đã chủ động làm việc với các Ngân hàng, tổ chức tín dụng để đảm bảo đủ nguồn vốn phục vụ SXKD và đầu tư của Công ty. Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn ưu đãi với lãi suất thấp;
- Định kỳ hàng tháng tổ chức kiểm điểm công tác thu vốn tại các công trình, phân giao cụ thể nhiệm vụ của từng lãnh đạo Công ty, Phòng ban Công ty đối với từng công trình cụ thể. Nghiên cứu đề xuất các phương án để thu hồi các khoản công nợ khó đòi;
- Giải quyết tốt công tác thu hồi công nợ tạm ứng cá nhân;
- Rà soát, phân loại và đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu, đầu tư tài chính. Đến 31/12/2018, đã trích lập dự phòng theo quy định số tiền 14,1 tỷ đồng
- Thực hiện giao kế hoạch SXKD hàng tháng, quý, năm cho từng đơn vị. Lập các báo cáo theo quy định kịp thời phục vụ công tác quản lý và điều hành của Công ty;
- Xây dựng dự toán chi phí và ký hợp đồng giao khoán với các đơn vị trực thuộc khi Công ty nhận thầu thi công các công trình. Thực hiện quyết toán hợp đồng giao khoán với các đơn vị trực thuộc khi công trình kết thúc thi công;
- Công tác ký kết và thực hiện các Hợp đồng kinh tế: Đảm bảo thực hiện đúng theo quy định của Pháp luật và quy chế phân cấp quản lý và thực hiện Hợp đồng đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt;

Hàng tháng đã thực hiện kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí phù hợp với đầu thu và dự toán chi phí đã được phê duyệt.

Trong năm 2018, Công ty đã trúng thầu các công trình với tổng giá trị là **275 tỷ đồng**, bao gồm:

- Công ty mẹ: **167 tỷ đồng**:
- + Dự án Khu liên hiệp gang thép Hòa Phát – Dung Quất (99 tỷ đồng);
- + Công trình Thủy điện Nậm Pạc 1,2 (68 tỷ đồng);
- Công ty con: **108,4 tỷ đồng**:
- + Biệt thự đơn lập KĐT Nam An Khánh (57,8 tỷ đồng);
- + Hoàn thiện gia cố mái hạ lưu Thủy điện Lai Châu (43,5 tỷ đồng);
- + Nhà bán hàng KĐT Gia Sàng – Thái Nguyên (7,1 tỷ đồng).

#### 4. Về tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2018:

**Giá trị thực hiện đầu tư năm 2018:** Thực hiện 75.9/321.4 tỷ đồng, đạt 24% KH năm. Trong đó giá trị đầu tư của Công ty mẹ là 71.2/316.5 tỷ đồng đạt 23% KH năm; Công ty con là 4.75/5 tỷ đồng đạt 95%.

Trong đó:

- Giá trị đầu tư bất động sản: 71.2/306.5 tỷ đồng, đạt 23 % KH năm.

Nguyên nhân không đạt kế hoạch cụ thể như sau:

- + Do công tác giải phóng mặt bằng còn gặp vướng mắc.
- + Do một số thủ tục chuẩn bị đầu tư triển khai còn chậm.
- Giá trị đầu tư thiết bị: 4.75/15 tỷ đồng, đạt 32 % KH năm. Do việc làm còn gặp nhiều khó khăn, hợp đồng thi công mới còn thiếu nên Công ty đã chủ động điều chỉnh giãn tiến độ đầu tư xe máy thiết bị.

#### 4.1 Dự án Đầu tư xây dựng KĐT Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên

##### 4.1.1 Thủ tục đầu tư

- Hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết 1/500: Thường trực tỉnh ủy có Thông báo số 1908-TB/TU về kết quả kiểm tra dự án trong đó thông qua nội dung điều chỉnh quy hoạch; UBND tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định số 3510/QĐ-UBND ngày 16/11/2018 về việc Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Hồ Xương Rồng, TP Thái Nguyên.
- Hồ sơ điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Thường trực tỉnh ủy có Thông báo số 1908-TB/TU về kết quả kiểm tra dự án trong đó thông qua nội dung điều chỉnh tiến độ dự án; Ngày 28/12/2018 UBND tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định số 4072/QĐ-UBND về việc Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án đến hết năm 2020.
- Hồ sơ giao đất các đợt tiếp theo: UBND tỉnh Thái Nguyên có Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 03/04/2018 giao đất đợt 11 với diện tích 13.972,58m<sup>2</sup> và ngày 10/04/2018 Sở TNMT đã tiến hành bàn giao đất tại thực địa.
- Hồ sơ cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất: UBND tỉnh Thái Nguyên đã quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đợt 8 và đợt 9 tại các quyết định: Quyết định số 2750/QĐ-UBND ngày 10/09/2018 về việc cấp giấy đợt 8 với diện tích là 5.141,11m<sup>2</sup>, tương ứng với 50 giấy chứng nhận; Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 về việc cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đợt 9 gồm 41 bìa, diện tích 4.927,48m<sup>2</sup>.
- Hồ sơ cho phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở: UBND tỉnh Thái Nguyên đã có Quyết định số 3133/QĐ-UBND ngày 23/10/2018 về việc Phê duyệt thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất có hạ tầng cho người dân tự xây dựng nhà ở tại dự án khu đô thị Hồ Xương Rồng (đợt 3 với 51 ô với diện tích 6.010 m<sup>2</sup>).
- Quyết toán đầu tư xây dựng giai đoạn I: Công ty CP Sông Đà 2 đã phê duyệt xong quyết toán các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án (đã có quyết định phê duyệt quyết toán 10/10 hạng mục phần thực hiện đầu tư xây dựng đến 31/12/2017).
- Tổ chức đấu thầu rộng rãi trong nước gói thầu số 11 - Kiểm toán dự án: Hội đồng quản

trị Công ty CP Sông Đà 2 đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị trúng thầu.

- Làm việc với Đoàn thanh tra tỉnh Thái Nguyên và Đoàn kiểm toán Nhà nước kiểm toán dự án: Đã thực hiện xong và đã có kết quả Biên bản kiểm tra và Biên bản kiểm toán với các đoàn; Tổ chức thực hiện các nội dung và kết luận kiến nghị của đoàn.

#### **4.1.2 Giải phóng mặt bằng**

- Lũy kế diện tích GPMB là: 41,3ha/43,45ha - đạt 95%. Diện tích còn lại chưa GPMB là 2,15ha, chiếm 5%; Lũy kế giá trị đã thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ GPMB là: 455,5 tỷ đồng/558,38 tỷ đồng, đạt 81,6%. Thực hiện năm 2018 như sau:

- Số hộ thực hiện GPMB là: 17 hộ.
- Số diện tích thu hồi bồi thường là 4.161,8 m<sup>2</sup>.
- Số tiền đã chi trả bồi thường GPMB là 31,6 tỷ đồng.

#### **4.1.3 Công tác quản lý dự án:**

- Các hạng mục Công ty CP Sông Đà 2 đang triển khai thi công được quản lý thực hiện theo quy trình giám sát chất lượng của Công ty và các quy định của Pháp luật.

- Công tác giám sát thi công tại hiện trường do đơn vị tư vấn giám sát độc lập thực hiện đảm bảo theo đúng các quy trình, quy định hiện hành.

- Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án: Hàng tuần, tháng, quý Công ty CP Sông Đà 2 thực hiện nghiêm túc các công tác kế hoạch, kế hoạch nhiệm vụ, báo cáo, kiểm tra thực hiện đối với Ban QLDA Khu đô thị Hồ Xương Rồng và các phòng ban chức năng liên quan phối hợp thực hiện dự án./.

#### **4.1.4 Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng (hạng mục công trình):**

Trong năm 2018 tiếp tục thực hiện thi công xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên phần diện tích đất đã giải phóng và bàn giao mặt bằng: các hạng mục chính gồm san nền, đường giao thông, thoát nước mưa, thoát nước thải...

## **4.2 Dự án Khu nhà ở liền kề phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình**

### **4.2.1 Thủ tục đầu tư**

- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở: Lập hồ sơ thiết kế mẫu nhà theo Công văn số 328/SXD-QHKT ngày 08/02/2018 của Sở Xây dựng; Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình đã có văn bản số 510 SXD-QHKT ngày 06/03/2018 Thỏa thuận thống nhất thiết kế mẫu nhà cho dự án; Ngày 27/06/2018 UBND tỉnh Hòa Bình đã có Văn bản số 935/UBND-NNTN về việc Thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây dựng nhà ở.

- UBND thành phố Hòa Bình đã cấp phép đấu nối đường nội bộ ra đường Hòa Bình và đường Bà Đà giấy phép số 41 ngày 08/03/2018.

- Hồ sơ giá đất: Hồ sơ giá đất và tiền sử dụng đất của dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt tại Quyết định số 82/QĐ-UBND ngày 14/01/2019;

- Lập dự toán phương án di chuyển đường cáp thông tin nằm trong phạm vi thực hiện dự án: Ngày 04/04/2018 Công ty đã có quyết định số 194/QĐ-TGD về việc Phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán di chuyển hạng mục hạ tầng viễn thông nằm trong phạm vi GPMB dự án.
- Quyết toán giai đoạn I: Công ty CP Sông Đà 2 đã có quyết định số 631/CT-Kte ngày 19/12/2018 về việc Phê duyệt quyết toán giai đoạn I các hạng mục hạ tầng kỹ thuật.

#### **4.2.2 Giải phóng mặt bằng:**

- Phối hợp với UBND thành phố Hòa Bình, Trung tâm phát triển quỹ đất tổ chức cuộc họp cùng các Phòng ban và UBND phường Hữu Nghị giải quyết vướng mắc công tác GPMB của dự án theo văn bản chỉ đạo số 1613 ngày 23/03/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình, tiếp xúc vận động các hộ dân trong diện GPMB để thỏa thuận phương án GPMB của 12 hộ còn lại.
- Cùng UBND phường Hữu Nghị, tổ trưởng dân phố vận động các hộ dân tháo dỡ công trình phụ để xây rãnh nước khu vực phía ngoài Nhà trẻ.

#### **4.2.3 Công tác quản lý dự án:**

- Các hạng mục Công ty CP Sông Đà 2 đang triển khai thi công được quản lý thực hiện theo quy trình giám sát chất lượng của Công ty và các quy định của Pháp luật.
- Công tác giám sát thi công tại hiện trường do đơn vị tư vấn giám sát độc lập thực hiện đảm bảo theo đúng các quy trình, quy định hiện hành.
- Công tác đảm bảo chất lượng và hiệu lực quản lý dự án: Hàng tuần, tháng, quý Công ty CP Sông Đà 2 thực hiện nghiêm túc các công tác kế hoạch, kế hoạch nhiệm vụ, báo cáo, kiểm tra thực hiện đối với Ban QLDA Khu đô thị Hồ Xương Rồng và các phòng ban chức năng liên quan phối hợp thực hiện dự án./.

#### **4.2.4 Giá trị khối lượng thực hiện theo tiến độ thực hiện hợp đồng (hạng mục công trình):**

Thực hiện việc đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án theo thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt (trên phần diện tích đã có mặt bằng sạch); Giá trị thực hiện là: 2,103 tỷ/5,014 tỷ đồng đạt 41 % kế hoạch năm 2018.

### **5. Kế hoạch phát triển trong năm 2019:**

**Phương châm:** Xây dựng Công ty cổ phần Sông Đà 2 thành một doanh nghiệp phát triển bền vững, ổn định và Ngành xây dựng hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, xây dựng dân dụng, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và đầu tư kinh doanh nhà ở và khu đô thị, có trình độ công nghệ cao, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính, gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, kinh doanh với khoa học, công nghệ và nghiên cứu phát triển; không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước và sự phát triển lớn mạnh của Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

- Nâng cao một bước công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm theo ngành nghề kinh doanh chính đảm bảo đủ việc làm theo kế hoạch, đảm bảo đời sống cho CBCNV trong năm

2019 và những năm tiếp theo.

- Thực hiện triệt để các biện pháp quản lý chi phí đảm bảo hiệu quả công tác xây lắp năm 2019.
- Tiếp tục thực hiện chương trình đào tạo, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt là các kỹ sư chuyên ngành, cán bộ Chỉ huy trưởng công trường, trình độ Tiếng Anh cho CBCNV nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập và tăng năng suất lao động.
- Tập trung quyết liệt quyết toán xong và thu vốn dứt điểm các công trình đã thi công xong: Thủy điện Bản Vẽ, CT Orange Garden, Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi (gói thầu số 4 và gói thầu A4 Lotte)....
- Tiếp tục tăng cường và nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác thu hồi vốn và các khoản công nợ khó đòi, công nợ dài hạn, thường xuyên kiểm soát và có những giải pháp hiệu quả, hợp lý để không làm tăng và giảm dần giá trị công nợ.
- Tích cực và tiếp tục hoàn thành các thủ tục thoái vốn tại một số doanh nghiệp khác theo kế hoạch để tập trung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

**6. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:** Đơn vị kiểm toán chấp nhận toàn bộ Báo cáo tài chính của công ty.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty:** Trong năm 2018 Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hoàn thành các công tác chính sau:

- Trên cơ sở kế hoạch của năm 2018 đã đề ra và thực tế triển khai thực hiện, với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, HĐQT đã tiến hành giám sát, quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua, đã xác định được các vấn đề trọng tâm trong hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kế hoạch hoạt động phù hợp, đồng thời cùng với Ban điều hành tập trung giải quyết những vấn đề có ảnh hưởng trực tiếp tới Công ty như: Cơ cấu sắp xếp lại mô hình tổ chức và nhân lực, công tác tiếp thị đấu thầu, tìm kiếm việc làm, công tác đầu tư các dự án, công tác quản lý tài chính v.v ...
- HĐQT thường xuyên làm việc với các bộ phận chức năng liên quan nghe ý kiến tham mưu và có những góp ý kịp thời với Ban Tổng giám đốc nhằm đưa ra các giải pháp, biện pháp tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn và chỉ đạo kịp thời phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD và các mặt công tác khác.
- Trong năm qua, Hội đồng quản trị đã tiến hành các cuộc họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp chuyên đề; lấy ý kiến bằng văn bản để xem xét, quyết định và ban hành các Nghị quyết; Quyết định và Văn bản khác để làm cơ sở cho Tổng giám đốc triển khai các hoạt động SXKD.
- Phê duyệt và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018; phê duyệt kế hoạch chi phí quản lý, tiết kiệm, tiết giảm chi phí năm 2018; phê duyệt mức trích khấu hao TSCĐ 2018.
- Thẩm định và phê duyệt kế hoạch năm 2018 để báo cáo ĐHCĐ thông qua trong phiên họp thường niên 2018
- Xem xét, thông qua báo cáo sản xuất kinh doanh quý và nhiệm vụ trọng tâm của quý

tiếp theo.

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch chiến lược kinh doanh giai đoạn 2016-2020 của Công ty trình Đại hội đồng cổ đông năm 2016 thông qua.
- Sắp xếp lại tổ chức một số phòng chức năng Công ty và đơn vị trực thuộc phù hợp với cơ cấu tổ chức của Tổng công ty và yêu cầu thực tế của Công ty.
- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung nhiều quy chế, quy định nội bộ của Công ty để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ SXKD và thực tiễn hiện nay.
- Quyết định việc miễn nhiệm, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ lãnh đạo và quản lý.
- Quyết định các phương án, chủ trương trong công tác đầu tư vào các dự án cũng như đầu tư khác.
- Các nội dung khác : HĐQT đã phối hợp tốt với Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty trong việc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty.**

- Trong năm 2018, Ban Điều hành đã có sự nỗ lực cao, luôn nắm bắt kịp thời diễn biến thị trường, thực hiện nghiêm túc việc triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ chuyên môn, năng lực và phẩm chất, có kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành.
- Tổng giám đốc đã phân công nhiệm vụ rõ ràng trong Ban Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Thực hiện các quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2015, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 và tiêu chuẩn ISO 45001:2018.
- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty, đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động SXKD.
- Đã xây dựng và triển khai cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi nhánh theo định hướng chủ động, linh hoạt và chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trực thuộc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Báo cáo, cung cấp đầy đủ các thông tin và dữ liệu liên quan để các Cơ quan chức năng Nhà nước và cấp trên thực hiện nhiệm vụ theo quy định.
- Có các quy định chặt chẽ về nâng cao ý thức thực hiện tốt công tác quản lý chất lượng, tiến độ, đảm bảo tuyệt đối An toàn lao động - Vệ sinh lao động đối với người và thiết bị xe máy trong quá trình thi công.
- Quan tâm đến đời sống của người lao động: Tiền lương, thưởng, chế độ chăm sóc sức khỏe, thực hiện tốt quyền lợi của cổ đông như: trả cổ tức, tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông tiếp nhận thông tin và các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty.
- Kết quả SXKD năm 2018: Công tác điều hành cơ bản đã thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên, nghị quyết của Hội đồng quản trị đề ra, tuy nhiên hiệu quả kinh doanh vẫn chưa cao.



### 3. Chương trình mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

#### 3.1 Các chỉ tiêu kinh tế - tài chính năm 2019:

TT	CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ	THỰC HIỆN NĂM 2018		KẾ HOẠCH NĂM 2019		TĂNG TRƯỞNG
			Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	
<b>I</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD</b>	<b>Trđ</b>	<b>489.703</b>	<b>279.450</b>	<b>600.325</b>	<b>365.015</b>	<b>123%</b>
1	Kinh doanh xây lắp	Trđ	278.576	142.959	418.015	249.015	150%
2	Sản xuất công nghiệp	Trđ	69.290		65.000	0	94%
3	Kinh doanh BĐS	Trđ	130.312	130.312	116.000	116.000	89%
4	Hoạt động TC và hoạt động khác	Trđ	11.524	6.179	1.310	0	11%
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>						
1	Doanh số bán hàng	Trđ	499.264	296.089	616.605	362.164	123%
2	Doanh thu	Trđ	457.533	272.999	552.838	333.757	121%
3	Nộp ngân sách	Trđ	21.920	6.283	38.660	15.900	176%
4	Tiền về tài khoản	Trđ	266.679	136.579	653.656	402.552	245%
5	Lợi nhuận TT	Trđ	7.824	8.052	7.839	6.743	101%
<b>III</b>	<b>KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ</b>	<b>Trđ</b>	<b>75.962</b>	<b>71.207</b>	<b>173.584</b>	<b>168.034</b>	<b>229%</b>

#### 3.2 Một số nhiệm vụ chủ yếu năm 2019:

- Triển khai tổ chức thực hiện các nội dung Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 bảo đảm hoàn thành các mục tiêu kế hoạch SXKD của Công ty năm 2019.
- Tăng cường kiểm tra, giám sát tại các đơn vị trực thuộc và công ty con (Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C). Từng bước nâng cao chất lượng hoạt động và hiệu quả của từng đơn vị.
- Giám sát và hỗ trợ kịp thời hoạt động của Ban điều hành để bảo đảm đạt các chỉ tiêu kinh tế năm 2019 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm: Tập trung tiếp thị đấu thầu vào các dự án, công trình xây dựng đường giao thông, xây dựng hạ tầng công nghiệp, khu đô thị, xây dựng công nghiệp, dân dụng cho năm 2019 và các năm tiếp theo.
- Công tác tái cấu trúc: Tiếp tục thực hiện các thủ tục để thoái vốn các khoản đầu tư tài chính theo kế hoạch: Công ty cổ phần thủy điện Đăkdrinh (ủy thác qua TCT Sông Đà-CTCP), Công ty CP GSM.
- Công tác tổ chức, cán bộ: Tiếp tục định biên lại lực lượng gián tiếp của Công ty; Sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực, sở trường; Đào tạo, xây dựng lực lượng nòng cốt đủ năng lực thi công các công trình dân dụng, nhà ở.
- Tập trung công tác thu vốn tại các công trình; Quyết toán và thu vốn dứt điểm các công trình đã thi công xong như: Đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Dự án Khu đô thị Vườn Cam; Thủy điện Xekaman1; Thủy điện Bán Vẽ; Đường Chu Văn An - Hà Nội; Khu đô thị Nam An Khánh....

- Công tác chỉ đạo Ban điều hành Công ty tổ chức thi công, quản lý chi phí, quản lý và sử dụng thiết bị; Xây dựng giải pháp đồng bộ trong quản lý thi công xây lắp để tăng hiệu quả hoạt động xây lắp; chuẩn hóa phương pháp quản lý, tránh lãng phí, tiêu hao cao hơn dự toán, định mức Công ty; Phân định rõ trách nhiệm từng khâu quản lý khi để xảy ra lãng phí, hiệu quả thấp hoặc thua lỗ;.
- Công tác đào tạo nguồn nhân lực, ứng dụng công nghệ vào thi công và quản lý: Xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật; nghiên cứu để ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý; Thường xuyên cập nhật các công nghệ thi công mới.
- Công tác đầu tư, kinh doanh dự án bất động sản:
  - + **Dự án khu nhà ở liền kề, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình:** Tiếp tục giải quyết vướng mắc công tác giải phóng mặt bằng các hộ dân còn lại; Thi công các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phần còn lại để phục vụ công tác bán hàng; Thực hiện nộp tiền sử dụng đất, kinh doanh dự án.
  - + **Dự án Khu đô thị Hồ Xương Rồng:** Tập trung giải quyết các tồn tại, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng; Hoàn thành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật còn lại của dự án; Thực hiện công tác bàn giao (bàn giao theo giai đoạn hoặc các hạng mục đã hoàn thành đưa vào sử dụng); thực hiện công tác kiểm toán dự án.
  - + **Dự án tòa nhà chung cư hỗn hợp CT2 tại Khu đô thị Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên:** Hoàn thành các thủ tục đầu tư, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư để khởi công dự án.
- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh các quy chế, quy định về quản trị Công ty như: Quy chế quản lý hợp đồng, quản lý xe máy thiết bị; Quy chế người đại diện phần vốn tại các DN khác...; Đưa các quy chế vào hoạt động thiết thực, hiệu quả.
- Duy trì cung cấp các thông tin hoạt động của doanh nghiệp ra công chúng một cách kịp thời, chính xác theo quy định.

## V. Quản trị công ty.

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1 Cơ cấu tổ chức của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 2 được Đại hội đồng cổ đông bầu nhiệm kỳ 2016-2021 có 5 thành viên. Trong đó 01 Chủ tịch, 01 thành viên kiêm Tổng giám đốc, 03 thành viên (trong đó 01 thành viên độc lập).

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty CP Sông Đà 2 không có sự thay đổi về nhân sự thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (không có nhân sự chuyển công tác ra khỏi đơn vị, hoặc xin rút chức danh, hoặc bị kỷ luật và hết nhiệm kỳ...).

HDQT hoạt động theo Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của pháp luật; các cá nhân được phân công phụ trách từng mảng/lĩnh vực chuyên sâu, luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, chủ động, trách nhiệm, trung thực và cẩn trọng để thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ được giao.

#### 1.2 Các hoạt động của HDQT:

HDQT đã thực hiện công tác quản trị, quản lý và giám sát hoạt động của Công ty theo Điều lệ Công ty, các quy định của pháp luật, quy chế hoạt động của HDQT.

Trong năm 2018, HĐQT đã tổ chức 01 cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên; Tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ theo quy định và một số cuộc họp chuyên đề khác; Xin ý kiến các thành viên bằng văn bản; Ban hành 54 nghị quyết và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT; Giao ban hàng tuần với Ban điều hành. Theo đó, các chủ trương, quyết sách quan trọng đều bám sát Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018 và tuân thủ đúng quy định tại Điều lệ, các quy chế hoạt động của Công ty, cụ thể:

- Công tác tái cấu trúc: Hoàn thành công tác thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Đầu tư và phát triển khu kinh tế Hải Hà; thực hiện định biên cán bộ gián tiếp khối cơ quan Công ty CP Sông Đà 2.

- Công tác tổ chức, nhân sự:

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, cán bộ chủ chốt của Công ty theo quy định (bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc).

+ Sáp nhập phòng QTRR-Pháp chế vào phòng Kinh tế chiến lược, đổi tên thành phòng KTCL-QTRR.

+ Giải thể Chi nhánh Sông Đà 205 và Chi nhánh Công ty CP Sông Đà 2 Xi nghiệp Sông Đà 208.

+ Đổi tên Công ty TNHH MTV công trình giao thông Sông Đà (Công ty con) thành Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C.

- Công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty:

+ Sửa đổi Quy chế thu nhập của CBCNV gián tiếp Công ty CP Sông Đà 2.

+ Sửa đổi Quy chế quản lý tài chính Công ty CP Sông Đà 2.

+ Phê duyệt hệ thống thang lương, bảng lương và chuyển xếp lương mới 2018 Công ty CP Sông Đà 2.

- Công tác đầu tư, dự án:

+ Dự án KĐT Hồ Xương Rồng, thành phố Thái Nguyên: HĐQT đã phê duyệt phương án bán hàng các lô đất đủ điều kiện theo quy định; Phê duyệt việc Kiểm toán dự án KĐT Hồ Xương Rồng.

+ Dự án khu nhà ở liền kề, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình: Trong năm 2018, HĐQT đã thông qua phương án vay vốn của CBCNV Công ty CP Sông Đà 2 để thực hiện dự án.

+ Thông qua dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị của Công ty TNHH MTV công trình giao thông Sông Đà (Công ty con).

- Phê duyệt phương án thanh lý, nhượng bán tài sản.

- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018, HĐQT đã chỉ đạo phân giao chi tiết mục tiêu kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua cho các đơn vị trực thuộc; giám sát việc tổ chức thực hiện của Tổng giám đốc Công ty mẹ và Công ty con.

### **1.3 Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 67/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông:**

*Về kết quả SXKD:*

TT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ	NĂM 2018				TỶ LỆ (%)
			KẾ HOẠCH		THỰC HIỆN		
			Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	
<b>I</b>	<b>TỔNG GIÁ TRỊ SXKD</b>	<b>Trđ</b>	<b>770.877</b>	<b>490.877</b>	<b>489.703</b>	<b>279.450</b>	<b>64%</b>
1	Kinh doanh xây lắp	Trđ	548.877	350.877	278.576	142.959	51%
2	Kinh doanh SP và bán SP phục vụ XL	Trđ	0		2.124	2.124	
3	Sản xuất công nghiệp	Trđ	80.000	0	69.290		87%
4	Kinh doanh BĐS	Trđ	132.000	132.000	130.312	130.312	99%
5	Hoạt động TC và hoạt động khác	Trđ	10.000	8.000	9.400	4.055	94%
<b>II</b>	<b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b>						
1	Doanh số bán hàng	Trđ	812.544	521.922	499.264	296.089	61%
2	Doanh thu	Trđ	754.131	489.929	457.533	272.999	61%
3	Nộp ngân sách	Trđ	90.727	64.857	21.920	6.283	24%
4	Tiền về tài khoản	Trđ	861.966	591.966	266.679	136.579	31%
5	Lợi nhuận TT	Trđ	15.592	11.797	7.824	8.052	50%
<b>III</b>	<b>ĐẦU TƯ</b>	<b>Trđ</b>	<b>321.475</b>	<b>316.475</b>	<b>75.962</b>	<b>71.206</b>	<b>24%</b>

**Về phân phối lợi nhuận:**

Công ty CP Sông Đà 2 đề xuất không thực hiện chia cổ tức năm 2018 để nâng cao năng lực tài chính, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.

**Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019:**

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các Công ty kiểm toán sau đây thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm, bán niên 2019 cho Công ty như sau :

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)
- Công ty TNHH dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán (AASC)
- Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam (VAE)
- Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC (AAC)

Trong trường hợp không thống nhất được với các Công ty kiểm toán nêu trên về tiến độ và mức phí kiểm toán, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn trong số các công ty kiểm toán còn lại trong danh sách các công ty kiểm toán độc lập được Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước chấp thuận kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính cho các công ty niêm yết.

**Thanh toán lương, thù lao HĐQT, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát:**

Nhằm tăng cường trách nhiệm và đảm bảo quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó, Hội đồng quản trị trình Đại hội phương án chỉ trả lương, thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm 2019, cụ thể:

STT	Chức danh	Số người	KH tiền lương, thù lao 2019 Theo TT 28/2016/TT-BLĐTTXH		Trình ĐH năm 2019 thông qua	
			Lương/tháng (đ)	Thù lao/tháng (đ)	Lương/tháng (đ)	Thù lao/tháng (đ)
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	1	36.000.000	0	36.000.000	0
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách	1		7.000.000		7.000.000
3	Thành viên HĐQT	4		5.000.000		5.000.000
4	Trưởng BKS	1	22.000.000		22.000.000	
5	Thành viên BKS	2		3.000.000		3.000.000

- Mức lương kế hoạch phù hợp với quy định tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.
- Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2018 thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.
- Hàng tháng được tạm ứng tiền lương theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016.

## 2. Ban kiểm soát

a. **Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:** Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Bình Lục - Trưởng Ban kiểm soát.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết tại Công ty cổ phần Sông Đà 2: 602.100 cổ phần, chiếm 4,17% số cổ phần của Công ty, trong đó: Đại diện vốn của Tổng công ty Sông Đà: 600.000 cổ phần; Sở hữu cá nhân: 2.100 cổ phần.

- Ông Lương Xuân Trường - Thành viên BKS.
- Ông Trần Thế Anh - Thành viên BKS.

b. **Hoạt động của Ban kiểm soát:**

Trong năm 2018 các hoạt động của Ban kiểm soát Công ty là kiểm tra, kiểm soát các hoạt động tài chính, công tác quản lý, điều hành ở Công ty, cụ thể như sau:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện các nội dung được thông qua tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

- Ban Kiểm soát đã tham gia góp ý kiến xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định, đảm bảo các quy định nội bộ của Công ty được cập nhật kịp thời theo quy định pháp luật hiện hành và tình hình phát triển của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã tham dự các cuộc họp hàng quý của HĐQT, giao ban tháng, tuần của ban điều hành, nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và có những góp ý, ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty.

- Xem xét báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành; báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2018 và các tài liệu khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua. Xem xét báo cáo kiểm toán do Công ty TNHH kiểm toán và định giá Việt Nam phát hành.

Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao.

## **VI. Báo cáo Tài chính:**

Các Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán và Luật chứng khoán; đã được công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và website của Công ty.

### **1. Báo cáo Tài chính hợp nhất:**

- **Đơn vị kiểm toán độc lập:** Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.
- **Địa chỉ:** Tầng 11, tòa nhà Sông Đà, số 165 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**Ý kiến của kiểm toán viên:** Theo ý kiến của công ty kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (PHẦN TÀI SẢN)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>100</b>	<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>539.950.712.325</b>	<b>539.950.712.325</b>
<b>110</b>	<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>14.842.988.307</b>	<b>37.591.658.140</b>
111	1.	Tiền		14.842.988.307	35.591.658.140
112	2.	Các khoản tương đương tiền			2.000.000.000
<b>120</b>	<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>		
121	1.	Chứng khoán kinh doanh			
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
<b>130</b>	<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>325.467.996.054</b>	<b>319.524.327.439</b>
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	306.947.133.169	294.233.974.360
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.289.407.563	7.866.464.254
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	7	22.132.145.393	28.899.017.612
137	4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.900.690.071)	(11.475.128.787)
<b>140</b>	<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>246.884.713.194</b>	<b>178.134.674.165</b>
141	1.	Hàng tồn kho		246.884.713.194	178.134.674.165
<b>150</b>	<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>3.979.815.250</b>	<b>4.700.052.581</b>
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	12	276.770.933	327.033.225
152	2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.702.675.917	4.371.828.123
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	368.400	1.191.233
<b>200</b>	<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>62.848.138.440</b>	<b>199.892.771.059</b>
<b>210</b>	<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>2.111.382.358</b>	<b>1.011.947.220</b>
216	1.	Phải thu dài hạn khác	7	2.111.382.358	1.011.947.220
<b>220</b>	<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>48.331.507.805</b>	<b>53.023.049.566</b>
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	48.331.507.805	53.023.049.566
222	-	Nguyên giá		196.743.709.160	207.465.493.226
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(148.412.201.355)	(154.442.443.660)
<b>240</b>	<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>2.118.431.562</b>	<b>132.422.205.790</b>
241	1.	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn			129.799.417.039
242	2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.118.431.562	2.622.788.751
<b>250</b>	<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>892.500.000</b>	<b>3.491.500.000</b>
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.185.000.000	4.894.000.000
254	2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(292.500.000)	(1.402.500.000)

260	VI.	Tài sản dài hạn khác		9.394.316.715	9.944.068.483
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	12	9.394.316.715	9.944.068.483
270		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>654.023.651.245</b>	<b>739.843.483.384</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
300	C.	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>446.277.116.566</b>	<b>533.308.769.801</b>
310	I.	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>400.458.385.780</b>	<b>492.818.250.055</b>
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	13	79.590.646.438	81.768.804.907
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	37.676.484.406	47.064.040.409
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	22.840.378.795	12.861.982.915
314	4.	Phải trả người lao động		13.409.146.706	20.424.786.670
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	5.287.465.652	12.626.664.590
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	17	6.203.678.124	18.144.623.570
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	235.194.424.498	299.832.232.463
321	8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn		176.503.920	
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		79.657.241	95.114.531
330	II.	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>45.818.730.786</b>	<b>40.490.519.746</b>
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	44.497.818.529	40.190.519.746
342	2.	Dự phòng phải trả dài hạn		1.320.912.257	300.000.000
400	D.	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>207.746.534.679</b>	<b>206.534.713.583</b>
410	I.	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>207.746.534.679</b>	<b>206.534.713.583</b>
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		144.235.360.000	144.235.360.000
411a		<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>144.235.360.000</i>	<i>144.235.360.000</i>
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		15.704.407.780	15.704.407.780
414	3.	Vốn khác của chủ sở hữu		11.443.105.769	9.991.283.608
418	4.	Quỹ đầu tư phát triển		26.352.458.760	27.577.103.605
421	5.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.011.202.370	9.026.558.590
421a		<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		<i>7.982.887.962</i>	<i>4.587.012.255</i>
421b		<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>2.028.314.408</i>	<i>4.439.546.335</i>
440		<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>654.023.651.245</b>	<b>739.843.483.384</b>



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2018

*Đơn vị tính: VNĐ*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	457.533.335.157	702.871.427.614
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			126.613.600
10	3. <b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>457.533.335.157</b>	<b>702.744.814.014</b>
11	4. Giá vốn hàng bán	22	388.336.053.953	660.653.449.631
20	5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>69.197.281.204</b>	<b>42.091.364.383</b>
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	31.364.192	32.090.531.678
22	7. Chi phí tài chính	24	20.718.342.468	22.888.728.239
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>19.852.875.085</i>	<i>21.998.051.843</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	6.443.664.713	8.005.760.849
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36.342.131.268	47.418.483.335
30	11. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>5.724.506.947</b>	<b>(4.131.076.362)</b>
31	12. Thu nhập khác	27	2.700.650.144	17.252.979.469
32	13. Chi phí khác	28	600.852.209	5.455.576.511
40	14. <b>Lợi nhuận khác</b>		<b>2.099.797.935</b>	<b>11.797.402.958</b>
50	15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>7.824.304.882</b>	<b>7.666.326.596</b>
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	5.795.990.474	3.226.780.261
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>2.028.314.408</b>	<b>4.439.546.335</b>
61	19. <b>Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ</b>		<b>2.028.314.408</b>	<b>4.439.546.335</b>
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>30</b>	<b>141</b>	<b>284</b>

### 2. Báo cáo Tài chính của Công ty mẹ

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.
- Địa chỉ: Tầng 11, tòa nhà Sông Đà, số 165 đường Cầu Giấy, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

**Ý kiến của kiểm toán viên:** Theo ý kiến của công ty kiểm toán, báo cáo tài chính công ty mẹ đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp

với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính công ty mẹ.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CÔNG TY MẸ (PHẦN TÀI SẢN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN		Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>100</b>	<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>400.085.958.086</b>	<b>351.018.837.573</b>
<b>110</b>	<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>12.802.397.320</b>	<b>28.504.670.671</b>
111	1.	Tiền		12.802.397.320	26.504.670.671
112	2.	Các khoản tương đương tiền			2.000.000.000
<b>120</b>	<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>		
121	1.	Chứng khoán kinh doanh			
122	2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh			
<b>130</b>	<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>231.323.459.966</b>	<b>240.583.991.091</b>
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	227.059.916.127	219.145.358.968
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.239.927.635	9.489.419.937
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	7	13.845.708.275	23.096.525.478
137	4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.822.092.071)	(11.147.313.292)
<b>140</b>	<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>153.350.791.130</b>	<b>78.824.671.710</b>
141	1.	Hàng tồn kho		153.350.791.130	78.824.671.710
<b>150</b>	<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.609.309.670</b>	<b>3.105.504.101</b>
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	12	276.770.933	327.033.225
152	2.	Thuế GTGT được khấu trừ		2.332.170.337	2.777.279.643
153	3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	368.400	1.191.233
<b>200</b>	<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>84.113.235.574</b>	<b>222.946.666.466</b>
<b>210</b>	<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.020.448.000</b>	<b>410.095.000</b>
216	1.	Phải thu dài hạn khác	7	1.020.448.000	410.095.000
<b>220</b>	<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>30.076.773.735</b>	<b>35.987.663.158</b>
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	30.076.773.735	35.987.663.158

222	-	Nguyên giá		129.868.482.193	145.016.452.055
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(99.791.708.458)	(109.028.788.897)
<b>240</b>	<b>III.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>1.052.198.682</b>	<b>131.755.274.987</b>
241	1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			129.799.417.039
242	2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.052.198.682	1.955.857.948
<b>250</b>	<b>IV.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>48.136.030.000</b>	<b>50.735.030.000</b>
251	1.	Đầu tư vào công ty con		47.243.530.000	47.243.530.000
253	2.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.185.000.000	4.894.000.000
254	3.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(292.500.000)	(1.402.500.000)
<b>260</b>	<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>3.827.785.157</b>	<b>4.058.603.321</b>
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	12	3.827.785.157	4.058.603.321
<b>270</b>		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>484.199.193.660</b>	<b>573.965.504.039</b>

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CÔNG TY MẸ (PHẦN NGUỒN VỐN)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN		Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
<b>300</b>	<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>290.818.573.358</b>	<b>382.241.784.432</b>
<b>310</b>	<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>246.268.802.572</b>	<b>341.751.264.686</b>
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	13	37.700.976.707	55.100.264.354
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	25.304.961.141	26.656.810.767
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	14.174.733.765	6.974.781.078
314	4.	Phải trả người lao động		6.839.281.303	13.913.569.599
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.637.951.778	7.083.870.321
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	17	9.464.169.480	17.063.059.335
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	148.146.728.398	215.011.044.138
322	8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi			(52.134.906)
<b>330</b>	<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>44.549.770.786</b>	<b>40.490.519.746</b>

338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	43.228.858.529	40.190.519.746
342	2.	Dự phòng phải trả dài hạn		1.320.912.257	300.000.000
<b>400</b>	<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>193.380.620.302</b>	<b>191.723.719.607</b>
<b>410</b>	<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>19</b>	<b>193.380.620.302</b>	<b>191.723.719.607</b>
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		144.235.360.000	144.235.360.000
411a		<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>144.235.360.000</i>	<i>144.235.360.000</i>
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần		15.704.407.780	15.704.407.780
418	3.	Quỹ đầu tư phát triển		23.973.167.197	23.798.021.283
421	4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.467.685.325	7.985.930.544
421a		<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>6.849.136.627</i>	<i>2.340.592.045</i>
421b		<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>2.618.548.698</i>	<i>5.645.338.499</i>
<b>440</b>		<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>484.199.193.660</b>	<b>573.965.504.039</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY MẸ

### Năm 2018

*Đơn vị tính: VNĐ*

Mã số	CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
01	1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	272.999.010.450	542.431.136.092
02	2.	Các khoản giảm trừ doanh thu			-
10	3.	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		272.999.010.450	542.431.136.092
11	4.	Giá vốn hàng bán	22	226.770.381.834	523.969.705.526
20	5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.228.628.616	18.461.430.566
21	6.	Doanh thu hoạt động tài chính	23	910.941.452	34.145.777.516
22	7.	Chi phí tài chính	24	13.525.189.828	17.439.843.450
23		<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>12.659.722.445</i>	<i>16.549.167.054</i>
25	8.	Chi phí bán hàng		3.362.921.087	4.048.150.858
26	9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24.598.154.980	35.227.369.431
30	10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.653.304.173	(4.108.155.657)
31	11.	Thu nhập khác	26	2.471.343.625	17.062.070.377
32	12.	Chi phí khác	27	72.607.132	4.530.722.879

40	13.	Lợi nhuận khác		2.398.736.493	12.531.347.498
50	14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.052.040.666	8.423.191.841
51	15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	5.433.491.968	2.777.853.342
52	16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		2.618.548.698	5.645.338.499

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Sông Đà 2 nhằm cung cấp các thông tin cần thiết về tổ chức quản lý điều hành, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018 cũng như các kế hoạch, định hướng và giải pháp thực hiện trong năm 2019 và các năm tiếp theo của Công ty tới tất cả các quý vị cổ đông và nhà đầu tư. Công ty Cổ phần Sông Đà 2 hy vọng rằng với bản Báo cáo này sẽ cung cấp được phần lớn những thông tin mà quý vị cổ đông, nhà đầu tư quan tâm muốn nghiên cứu, tìm hiểu về Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn các Quý vị cổ đông và các Nhà đầu tư.

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT Công ty;
- Ban kiểm soát;
- Ban Tổng giám đốc;
- Website Công ty;
- Lưu TCKT, TCHC.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Ngọc**